

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2269/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Tân Phú**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.*

*Căn cứ Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích đất lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

---

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021; và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3695/TTr-STNMT-QLĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Tân Phú với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Hiệp Tân	Hòa Thạnh	Phú Thạnh	Phú Thọ Hòa	Phú Trung	Tân Quý	Tân Sơn Nhì	Tân Thành	Tây Thạnh	Sơn Kỳ	Tân Thới Hòa
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	26,94	3,80	0,31	0,22	2,83	1,12	0,64	0,04	0,31	10,95	4,87	1,85
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	143,41	24,63	15,04	0,34	0,22	3,67	0,94	1,10	9,43	54,85	8,06	25,13
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	375,46	25,32	20,18	32,96	32,00	20,87	40,02	32,16	29,27	67,85	49,13	25,70
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,44				0,41		0,03					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA												
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT												
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	821,5	55,73	54,43	81,12	79,93	58,10	118,82	73,38	55,59	108,70	77,47	58,24
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,99	0,32	1,73	0,14	0,23	0,28	0,36	0,36	0,21	0,53	0,72	0,12
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,61							1,61				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,43	1,46	0,24	0,91	1,10	0,48	1,95	0,59	1,40	0,42		0,87
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	11,20	0,10	1,02	0,36	1,96	0,01	3,63	2,11	0,49	0,40	1,09	0,04
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX												
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,43	0,02	0,002	0,02	0,02	0,08	0,01	0,19	0,03		0,06	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Hiệp Tân	Hòa Thạnh	Phú Thạnh	Phú Thọ Hòa	Phú Trung	Tân Quý	Tân Sơn Nhì	Tân Thành	Tây Thạnh	Sơn Kỳ	Tân Thới Hòa
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	32,17	0,10	0,87	0,41	0,35	0,12	0,38	0,63	0,08	8,49	19,96	0,77
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,47	0,12	0,09	0,10	0,15	0,75	0,83	0,30	0,08	0,02		0,04
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,37											1,37
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,60				0,60							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13								0,04		0,09	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>												
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>												
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>												
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>1.597,15</b>	<b>111,60</b>	<b>94,40</b>	<b>116,57</b>	<b>121,18</b>	<b>88,70</b>	<b>169,31</b>	<b>112,76</b>	<b>98,18</b>	<b>349,03</b>	<b>220,42</b>	<b>115,01</b>

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

## 2. Diện tích thu hồi đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Hiệp Tân	Hòa Thạnh	Phú Thạnh	Phú Thọ Hòa	Phú Trung	Tân Quý	Tân Sơn Nhì	Tân Thành	Tây Thạnh	Sơn Kỳ	Tân Thới Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>0,32</b>						<b>0,32</b>					
1.1	Đất trồng lúa**	LUA												
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,32						0,32					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN												
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH												
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS												
1.8	Đất làm muối	LMU												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH												
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8,92</b>	<b>1,06</b>	<b>0,30</b>	<b>0,01</b>		<b>0,37</b>		<b>0,99</b>	<b>1,65</b>	<b>1,62</b>	<b>0,37</b>	<b>2,55</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,08								0,08			
2.2	Đất an ninh	CAN	0,01								0,01			
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,16									0,16		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT												
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,49					0,17		0,03		0,12		0,17
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,61	0,24	0,30						0,60			1,47
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS												





### 3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Hiệp Tân	Hòa Thạnh	Phú Thạnh	Phú Thọ Hòa	Phú Trung	Tân Quý	Tân Sơn Nhì	Tân Thành	Tây Thạnh	Sơn Kỳ	Tân Thới Hòa
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+(7)+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>4,82</b>				<b>0,18</b>	<b>0,20</b>	<b>0,29</b>	<b>0,03</b>		<b>2,63</b>	<b>1,27</b>	<b>0,23</b>
1.1	Đất trồng lúa**	LUA/PNN												
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4,21				0,18	0,20	0,29	0,03		2,02	1,27	0,23
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN												
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN												
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,61									0,61		
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN												
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp</b>		<b>3,9</b>	<b>0,13</b>	<b>0,48</b>	<b>0,03</b>	<b>0,60</b>			<b>0,63</b>	<b>0,03</b>	<b>0,27</b>	<b>0,51</b>	<b>1,22</b>
	<i>Trong đó:</i>													
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu	LUA/CLN												

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Hiệp Tân	Hòa Thạnh	Phú Thạnh	Phú Thọ Hòa	Phú Trung	Tân Quý	Tân Sơn Nhi	Tân Thành	Tây Thạnh	Sơn Kỳ	Tân Thới Hòa
	năm													
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP												
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS												
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU												
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS												
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU												
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)												
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)												
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)												

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Hiệp Tân	Hòa Thạnh	Phú Thạnh	Phú Thọ Hòa	Phú Trung	Tân Quý	Tân Sơn Nhi	Tân Thành	Tây Thạnh	Sơn Kỳ	Tân Thới Hòa
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,9	0,13	0,48	0,03	0,60			0,63	0,03	0,27	0,51	1,22

**Ghi chú:** - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

\*\* Thực tế kiểm kê đất đai năm 2014 không còn, chỉ còn trên GCNQSDĐ; Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

#### 4. Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng 2021:

Trên địa bàn quận Tân Phú không có diện tích đất chưa sử dụng.

~~Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và các sở - ngành có liên quan có trách nhiệm:~~

**1. Ủy ban nhân dân quận Tân Phú:**

- Kiểm tra, rà soát các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đảm bảo các nguyên tắc thể hiện tại Kế hoạch số 9720/KH-STNMT-QLĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường và cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất này vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 đồng thời với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất.

- Việc đăng ký kế hoạch, giải quyết hồ sơ sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; xác định cụ thể nguyên nhân chậm thực hiện, vướng mắc, làm việc với các chủ đầu tư về nguồn vốn đầu tư, chủ trương đầu tư, kế hoạch và khả năng thực hiện dự án đối với các trường hợp đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo triển khai đúng thời hạn, khả thi; chịu trách nhiệm về đề xuất tiếp tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với các công trình - dự án đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất từ năm 2018 trở về trước.

- Đối với 03 dự án, công trình: Xây dựng trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố - Cơ sở 2 tại phường Tây Thạnh, quận Tân Phú; Xây dựng Trung tâm văn hóa, giải trí, cây xanh, thể dục thể thao tại phường Tây Thạnh, quận Tân Phú; Chung cư kết hợp thương mại dịch vụ do Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Sài Gòn 5 đầu tư tại phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú. Sau khi các dự án, công trình này thực hiện xong thủ tục sắp xếp tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thì mới có cơ sở đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng ranh dự án được phê duyệt và đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định pháp luật.

- Chịu trách nhiệm về pháp lý, ranh, diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân. Hàng tháng, báo cáo các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Quận (kèm theo Quyết định

CÔNG BÁO/Số 57+58/Ngày 01-8-2021. 123

~~và hồ sơ pháp lý có liên quan) cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp theo dõi, quản lý.~~

- Công bố, niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở - ngành có liên quan:**

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Xác định, cân đối các nguồn vốn để thực hiện dự án - công trình và thường xuyên rà soát vướng mắc, phối hợp xử lý hoặc báo cáo đề xuất tháo gỡ nhằm đảm bảo kế hoạch sử dụng đất được thực hiện khả thi; thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, hiệu quả, phát huy tiềm năng về đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban- ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**